Tuần 3: **SINH THÁI HỌC QUẦN THỂ (tiếp Bài 38, 39 SGK sinh 12)**

**Phần Trắc nghiệm:**

**Câu 1**: Khi nói về quan hệ giữa kích thước quần thể và kích thước cơ thể, thì câu **sai** là:

**A**. loài có kích thước cơ thể nhỏ thường có kích thước quần thể lớn.

**B**. loài có kích thước cơ thể lớn thường có kích thước quần thể nhỏ.

**C**. kích thước cơ thể của loài tỉ lệ thuận với kích thước của quần thể.

**D**. kích thước cơ thể và kích thước quần thể của loài phù hợp với nguồn sống.

**Câu 2**: Kích thước của quần thể sinh vật là:

**A**.số lượng cá thể hoặc khối lượng sinh vật hoặc năng lượng tích luỹ trong các cá thể của quần thể.

**B**.độ lớn của khoảng không gian mà quần thể đó phân bố.

**C**.thành phần các kiểu gen biểu hiện thành cấu trúc di truyền của quần thể.

**D**.tương quan tỉ lệ giữa tỉ lệ tử vong với tỉ lệ sinh sản biểu thị tốc độ sinh trưởng của quần thể.

**Câu 3:** Khi nói về mức sinh sản và mức tử vong của quần thể, kết luận nào sau đây **không** đúng?

**A**. Mức sinh sản của quần thể là số cá thể của quần thể được sinh ra trong một đơn vị thời gian.

**B**. Sự thay đổi về mức sinh sản và mức tử vong là cơ chế chủ yếu điều chỉnh số lượng cá thể của quần thể.

**C**. Mức tử vong là số cá thể của quần thể bị chết trong một đơn vị thời gian.

**D.** Mức sinh sản và mức tử vong của quần thể có tính ổn định, không phụ thuộc vào điều kiện môi trường.

**Câu 4:** Khi nói về kích thước của quần thể sinh vật, phát biểu nào sau đây là **đúng**?

**A**. Kích thước quần thể luôn ổn định, không phụ thuộc vào điều kiện sống của môi trường.

**B.** Kích thước quần thể giảm xuống dưới mức tối thiểu thì quần thể dễ dẫn tới diệt vong.

**C**. Kích thước quần thể không phụ thuộc vào mức sinh sản và mức tử vong của quần thể.

**D**.Kích thước quần thể là khoảng không gian cần thiết để quần thể tồn tại và phát triển.

**Câu 5:** Số lượng cá thể ít nhất mà quần thể cần có để duy trì và phát triển, gọi là

**A**. kích thước tối đa của quần thể. **B**. mật độ của quần thể.

**C**. kích thước trung bình của quần thể. **D**. kích thước tối thiểu của quần thể.

**Câu 6:** Nếu kích thước quần thể giảm xuống dưới mức tối thiểu thì

1. số lượng cá thể trong quần thể ít, cơ hội gặp nhau của các cá thể đực và cái tăng lên dẫn tới làm tăng tỉ lệ sinh sản, làm số lượng cá thể của quần thể tăng lên nhanh chóng.
2. sự cạnh tranh về nơi ở của cá thể giảm nên số lượng cá thể của quần thể tăng lên nhanh chóng.
3. mật độ cá thể của quần thể tăng lên nhanh chóng, làm cho sự cạnh tranh cùng loài diễn ra khốc liệt hơn.
4. sự hỗ trợ của cá thể trong quần thể và khả năng chống chọi với những thay đổi của môi trường của quần thể giảm.

**Câu 7:** Phát biểu nào sau đây là đúng về sự tăng trưởng của quần thể sinh vật?

**A.** Khi môi trường không bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể là tối đa, mức tử vong là tối thiểu.

**B**. Khi môi trường bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể luôn lớn hơn mức tử vong.

**C**. Khi môi trường không bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể luôn nhỏ hơn mức tử vong.

**D**. Khi môi trường bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể luôn tối đa, mức tử vong luôn tối thiểu.

**Câu 8:** Quần thể sinh vật tăng trưởng theo tiềm năng sinh học trong điều kiện nào sau đây?

**A**. Nguồn sống trong môi trường không hoàn toàn thuận lợi, gây nên sự xuất cư theo mùa.

**B**.Nguồn sống trong môi trường không hoàn toàn thuận lợi, hạn chế về khả năng sinh sản của loài.

**C.** Nguồn sống trong môi trường rất dồi dào, hoàn toàn thỏa mãn nhu cầu của các cá thể.

**D**.Không gian cư trú của quần thể bị giới hạn, gây nên sự biến động số lượng cá thể.

**Câu 9:** Trong điều kiện môi trường bị giới hạn, sự tăng trưởng kích thước của quần thể theo đường cong tăng trưởng thực tế có hình chữ S, ở giai đoạn ban đầu, số lượng cá thể tăng chậm. Nguyên nhân chủ yếu của sự tăng chậm số lượng cá thể là do

**A**. số lượng cá thể của quần thể đang cân bằng với sức chịu đựng (sức chứa) của môi trường.

**B**. sự cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể diễn ra gay gắt.

**C**. nguồn sống của môi trường cạn kiệt.

**D.** kích thước của quần thể còn nhỏ.

**Câu 10**: Nếu nguồn sống không bị giới hạn, đồ thị tăng trưởng của quần thể ở dạng:

**A**. tăng dần đều. **B**. đường cong chữ J. **C**. đường cong chữ S. **D**. giảm dần đều.

**Câu 11**: Sự biến động số lượng của thỏ rừng và mèo rừng tăng giảm đều đặn 10 năm 1 lần. Hiện tượng này biểu hiện:

**A**. biến động theo chu kì ngày đêm. **B**. biến động theo chu kì mùa.

**C**. biến động theo chu kì nhiều năm. **D**. biến động theo chu kì tuần trăng.

**Câu 12**: Trong đợt rét hại tháng 1-2/2008 ở Việt Nam, rau và hoa quả mất mùa, cỏ chết và ếch nhái ít hẳn là biểu hiện:

**A**. biến động tuần trăng. **B**. biến động theo mùa

**C**. biến động nhiều năm. **D**. biến động không theo chu kì

**Câu 13:** Hiện tượng nào sau đây phản ánh dạng biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật không theo chu kì?

**A**. Ở Việt Nam, vào mùa xuân khí hậu ấm áp, sâu hại thường xuất hiện nhiều.

**B.** Ở miền Bắc Việt Nam, số lượng ếch nhái giảm vào những năm có mùa đông giá rét, nhiệt độ xuống dưới 8oC.

**C**. Ở đồng rêu phương Bắc, cứ 3 năm đến 4 năm, số lượng cáo lại tăng lên gấp 100 lần và sau đó lại giảm.

**D**. Ở Việt Nam, hàng năm vào thời gian thu hoạch lúa, ngô,… chim cu gáy thường xuất hiện nhiều.

**Câu 14:** Kiểu biến động số lượng cá thể của quần thể nào sau đây là kiểu biến động theo chu kì?

**A**. Số lượng cá thể của quần thể tràm ở rừng U Minh giảm sau khi cháy rừng.

**B**. Số lượng cá thể của quần thể cá chép ở Hồ Tây giảm sau khi thu hoạch.

**C**. Số lượng cá thể của quần thể ếch đồng ở miền Bắc Việt Nam tăng nhanh vào mùa hè và giảm vào mùa đông.

**D**. Số lượng cá thể của quần thể thông ở Côn Sơn giảm sau khi khai thác.

**Câu 15:** Vào mùa xuân và mùa hè có khí hậu ấm áp, sâu hại thường xuất hiện nhiều. Đây là dạng biến động số lượng cá thể

**A**. không theo chu kì. **B**. theo chu kì ngày đêm. **C**. theo chu kì mùa. **D**. theo chu kì nhiều năm.

**Câu 16:** Sự biến động số lượng cá thể của quần thể cá cơm ở vùng biển Pêru liên quan đến hoạt động của hiện tượng El - Nino là kiểu biến động

**A**. theo chu kì mùa. **B**. theo chu kì nhiều năm. **C**. không theo chu kì. **D**. theo chu kì ngày đêm.

**Câu 17:** Khi gặp điều kiện thuận lợi, một loài tảo phát triển mạnh gây ra hiện tượng “nước nở hoa” là một ví dụ về

**A.** sự biến động số lượng không theo chu kì của quần thể.

**B.** quan hệ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể.

**C.** sự biến động số lượng theo chu kì của quần thể.

**D.** quan hệ hỗ trợ giữa các cá thể trong quần thể.

**Câu 18:** Cho các ví dụ sau: Gieo ngải dại ở mật độ 100.000 hạt trên 1m2 thì giữa những cây con có một sự cạnh tranh mạnh mẽ, nhiều cây con bị chết, mật độ quần thể giảm đi rõ rệt. Mọt bột cấy trong môi tr­ường nuôi cấy có 64g bột thì số l­ượng cá thể đạt ở mức cực đại là 1750 cá thể. Nếu môi trư­ờng chỉ có 16g bột thì số l­ượng cá thể tối đa chỉ đạt được 650 cá thể. Các ví dụ trên đề cập đến khái niệm sinh thái nào?

**A.** Cơ chế điều hoà mật độ quần thể. **B.** Mối quan hệ giữa sinh vật với môi tr­ường.

**C.** Đấu tranh cùng loài. **D.** Khống chế sinh học.

**Phần tự luận:**

1. Thế nào là nhóm nhân tố không phụ thuộc vào mật độ quần thể và nhóm nhân tố phụ thuộc vào mật độ của quần thể?

Cho 2 ví dụ về sự biến động số lượng cá thể của quần thể do nguyên nhân từ mỗi nhóm nhân tố trên.

2. Thế nào là trạng thái cân bằng của quần thể? Trình bày cơ chế điều chỉnh số lượng cá thể của quần thể